

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trương Mỹ P; sinh năm: 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày

07/6/2024).

2. Bị đơn:

Anh Trần Văn T; sinh năm: 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Từ năm 2019 đến khoảng tháng 8/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có bán hải sản cho bị đơn anh Trần Văn T nhiều lần. Khi mua bán hải sản, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng bằng văn bản. Qua quá trình mua bán anh T có nợ tiền mua hải sản của bà N. Đến ngày 20/12/2023 bà N và anh T có xác nhận nợ tại Công an xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang và lập “Biên nhận nợ” với số tiền 434.000.000 đồng. Do anh T không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết nên bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Văn T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn thiếu trong quá trình mua bán hải sản là 434.000.000 đồng và số tiền lãi là 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản tự khai ngày 28/6/2024 và phiên hòa giải, bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh thống nhất quá trình mua bán với bà Nguyễn Thị N và thống nhất số tiền còn nợ bà N theo “Biên nhận nợ” ngày 20/12/2023 tại Công an xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang là 434.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn bà trình bày. Anh thống nhất trả cho bà N số tiền mua hải sản còn nợ là 434.000.000 đồng nhưng không thống nhất trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn tiền mua hàng còn thiếu là 434.000.000 đồng và tiền lãi là 18.000.000 đồng.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ngày 20/12/2023, tại Công an xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận xác nhận nợ trong quá trình mua bán hải sản và lập “Biên nhận nợ” với số tiền 434.000.000 đồng.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn tiền mua hàng còn thiếu là 434.000.000 đồng và tiền lãi là 18.000.000 đồng.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, cụ thể như sau: Bị đơn anh Trần Văn T thống nhất trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền là: 452.000.000 đồng, bao gồm tiền mua hàng là: 434.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là: 18.000.000 đồng. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng hóa là hải sản. Xét từ năm 2019 đến năm 2023, giữa nguyên đơn và bị đơn đã nhiều lần giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa là hải sản, hình thức hợp đồng bằng lời nói, không lập thành văn bản. Qua quá trình mua bán do bên mua (bị đơn) nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bên bán (nguyên đơn) nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng theo hợp đồng. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 385 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên được giao kết và thực hiện từ năm 2019 đến năm 2023 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về nghĩa vụ trả tiền mua hàng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi

kiện yêu cầu buộc bị đơn anh Trần Văn T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền mua hải sản là 434.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc “Biên nhận nợ” ngày 20/12/2023. Nội dung “Biên nhận nợ” thể hiện anh Trần Văn T thừa nhận có nợ của bà Nguyễn Thị N số tiền mua hải sản là 434.000.000 đồng. Bị đơn anh Trần Văn T thừa nhận trong quá trình mua bán hải sản với nhau từ năm 2019 đến 2023, anh T còn nợ bà N tiền mua hải sản là 434.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023, giữa nguyên đơn và bị đơn đã nhiều lần mua - bán hải sản với nhau, bên bán (nguyên đơn) đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng nhưng bên mua (bị đơn) không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên bán. Bên cạnh đó, xét thấy hợp đồng giữa các bên đáp ứng đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Vì vậy, các bên phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ mình theo hợp đồng. Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”* và *“Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản”*. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền mua hàng cho nguyên đơn với số tiền tổng cộng là 434.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thống nhất trả tiền mua hàng theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về tiền lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả lãi kể từ ngày 20/12/2023 với số tiền là 18.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét việc mua bán giữa các bên được thực hiện nhiều lần trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023 nhưng các bên đều không lập hợp đồng bằng văn bản và ghi chép lại thời gian giao nhận hàng cụ thể của từng lần để làm căn cứ xác định thời gian chậm trả tiền mua hàng và lãi

suất. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày các bên thống nhất được số tiền mua hàng còn nợ là ngày 20/12/2023 đến ngày khởi kiện là ngày 07/6/2024 với số tiền là 18.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Tổng tiền mua hàng và tiền lãi chậm trả, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 434.000.000 đồng + 18.000.000 đồng = 452.000.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 và khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 385, Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Trần Văn T về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, cụ thể như sau: Bị đơn anh Trần Văn T thống nhất trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền là: 452.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai triệu đồng), bao gồm tiền mua hàng

là: 434.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là: 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bị đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 22.080.000 đồng (hai mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc